

TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG THẨM MỸ

NGUYỄN NGỌC DUNG

I - ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong điều kiện nền sản xuất ngày càng mở rộng, đồ dùng bao quanh con người ngày càng trở nên phong phú và đa dạng, tổ chức nơi sinh hoạt, lao động thẩm mỹ là nhu cầu của xã hội, có ý nghĩa giáo dục và kinh tế to lớn.

« Mỹ học sản xuất » nghiên cứu mối quan hệ thẩm mỹ của vật phẩm và của môi trường vật phẩm với con người, xã hội. Hoạt động của « Mỹ học sản xuất » nhằm giải quyết các nhu cầu văn hóa, đồng thời khi xác định các tiêu chuẩn, thẩm mỹ cung cấp cho sản xuất những thông số về chỉ tiêu kế hoạch, về tiêu chuẩn hóa đáng tin cậy. Cho nên, trong thời đại hiện nay vấn đề « mỹ học sản xuất » được đặt ra như một vấn đề triết học của thời đại. Vấn đề triết học của nó thể hiện mối quan hệ thẩm mỹ trong cuộc sống, tiến tới đồng hóa mối quan hệ này trong sản xuất. Điều đó trước kia chẳng bao giờ người ta nghĩ tới, nhưng ngày nay do khả năng của khoa học và sự thâm nhập của nghệ thuật vào những hoạt động của nó đã tạo ra và đẩy mạnh những hoạt động tích cực, để xây dựng một cơ sở vật chất kỹ thuật gắn bó với sự phát triển toàn diện của người lao động.

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, mục đích của tổ chức môi trường lao động thẩm mỹ lại càng rõ ràng hơn. Mục đích ấy được thể hiện ở chỗ làm « thỏa mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của toàn xã hội, bằng cách không ngừng phát triển và hoàn thiện sản xuất, trên cơ sở làm chủ tập thể và một nền khoa học kỹ thuật hiện đại ». Đưa cái đẹp vào nơi sản xuất chính là tạo thành một môi trường lao động tốt nhất. Ở đó mọi vật dụng được bố trí, sắp đặt, được sử dụng có hiệu quả lớn nhất, lại không tác hại đến sinh hoạt bình thường của người lao động. Nhiều khi nhờ những phương án chính xác và khoa học, tổ chức môi trường lao động thẩm mỹ đem lại những khả năng sản xuất tối ưu trong điều kiện hữu hạn của vật chất, vì nghiên cứu vấn đề thẩm mỹ vận

dụng vào quá trình sản xuất, vào các hoạt động trong lao động chính là giải quyết các mặt nhu cầu của người lao động. Có những nhu cầu về tinh thần, có những nhu cầu của kỹ thuật sản xuất như tổ chức hệ thống dây truyền hợp lý, bảo đảm an toàn lao động, điều kiện thuận lợi khi sản xuất, điều kiện phù hợp với tâm sinh lý lao động.

Khi lao động, người lao động không chỉ giản đơn hao phí năng lực của mình, mà cần đến thụ cảm thẩm mỹ. Sự thụ cảm này không nảy sinh trong quan sát thụ động mà trong hành động có mục đích, ý chí. Có sự thụ cảm như vậy mới gây ra những hứng thú, và một khi lao động trở thành hứng thú thì lao động sẽ tự nguyện. Tự nguyện lao động là biện pháp dung nhất giúp người lao động thắng nổi những cơn dầy vò thường xuất hiện trong lao động, mới đổi thay được hình thức lao động bắt buộc thành lao động sáng tạo. Lao động sáng tạo sẽ làm nảy sinh những chức năng mới, làm thay đổi phương thức sản xuất, nâng cao giá trị của lao động. Chẳng hạn nhờ giá trị thẩm mỹ của môi trường, thói quen tự giác của người lao động sẽ được thay đổi và nâng cao, chuyển dần vào trọng tâm công việc làm ra những vật phẩm có chất lượng toàn vẹn hơn. Ví dụ ở các nhà máy điện tử và cơ khí chính xác, nhờ làm việc trong khung cảnh đẹp, độ sai hỏng của sản phẩm bớt đi, năng suất lao động tăng lên. Với ý nghĩa như vậy, tổ chức môi trường thẩm mỹ là một hoạt động cơ bản gắn liền với nền sản xuất xã hội xã hội chủ nghĩa giúp cho nền sản xuất đó đề nâng cao năng suất lao động.

II - THẾ NÀO LÀ TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG THẨM MỸ?

Thông thường tổ chức môi trường lao động thẩm mỹ được coi là làm gọn sạch nơi lao động hay với những hình thức trang trí như tranh cổ động và khẩu hiệu. Về đẹp nơi lao động không thể tách rời các yêu cầu của lao động, phải thích nghi với tâm sinh lý của

người lao động. Hình thức đưa tranh an toàn vào nơi lao động để nhắc nhở ý thức và kỷ luật lao động là rất cần thiết, nhưng quá nhiều màu sắc hỗn loạn của tranh sẽ làm phân tán sự tập trung cần phải có khi lao động. Ở nơi lao động sử dụng quá nhiều màu sẽ làm con mắt thêm căng thẳng.

Như vậy, vẻ đẹp ở nơi lao động phải phản ánh những tiến bộ trong tổ chức sản xuất, phản ánh những tính năng riêng của từng ngành sản xuất và gắn bó với nhu cầu đời sống của một tập thể lao động. Đóng góp làm cho nơi lao động thêm đẹp là khả năng của ngành nghệ thuật, riêng mỹ thuật có nhiều ưu điểm vì hoạt động này gắn liền với thụ cảm thị giác.

Theo phân tích khoa học thì tác động của môi trường vật thể liên quan đến nhiều mặt hoạt động của con người và hàng ngày con người tiêu hao đến 25% năng lực để nhận biết, chừng 80% những cảm giác con người thu được thuộc về thị giác. Do đó môi trường lao động có thẩm mỹ hay không có thẩm mỹ tác động gián tiếp và trực tiếp đến hiệu suất lao động của một nhà máy, phân xưởng. Sự tác động đó chúng ta sẽ nghiên cứu, phân tích qua các phương pháp xử lý khác nhau về màu sắc, hình khối, không gian toàn bộ nơi lao động.

III - NHỮNG THỀ NGHIỆM XỬ LÝ MÀU SẮC TRONG VIỆC TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG THẨM MỸ:

A. Những đặc tính của màu:

Màu là một thành tố phổ biến của vật thể, có tác động trực tiếp khi nhận biết. Trong hội họa có những bức tranh diễn tả một vật thể chỉ cần sự chính xác của màu, ít dùng đến đường nét vẫn nhìn thấy vật thể. Đối chiếu với thiên nhiên ta thấy vật nào cũng có màu, sự nhận biết về vật ấy đầu tiên là màu của nó. Màu có tác động đến tâm sinh lý của con người. Y học đã dùng màu để chữa bệnh như dùng màu đỏ để chữa bệnh đậu, bệnh sởi và một số bệnh trên da, dùng màu xanh da trời chữa bệnh dạ dày trí và tâm thần. Màu sắc còn gợi những liên tưởng gây ra ảo giác. Chẳng hạn khi vào một căn buồng quét màu xanh da trời sẽ có cảm giác lạnh hơn 3, 4 độ so với căn phòng cùng nhiệt độ nhưng quét màu đỏ. Màu không phát ra nhiệt nhưng trong nguyên lý sử dụng màu người ta phân chia hai loại màu nóng và lạnh. Đến gần màu nóng (đỏ, da cam) có một cường độ cao người ta cảm giác nóng, nhiều khi sức nóng gần bằng độ nóng của lửa. Màu còn gây ra những cảm giác khác nhau như:

— Khác nhau về trọng lượng, ví dụ giữa

hai vật cùng khối, thể tích, vật có màu sáng có cảm giác nhẹ hơn vật có màu tối.

— Khác nhau về kích thước, ví dụ hai hình cùng kích thước đặt cạnh nhau, có sắc độ màu khác nhau thì hình có màu sáng có cảm giác to hơn so với hình bên cạnh màu tối. Cho nên đối với các vật to và thấp nên dùng màu đậm để vật trở thành vừa phải. Nếu vật đó cao mảnh nên dùng màu sáng để vật đó bớt cảm giác gầy guộc.

— Khác nhau về nồng độ, ví dụ trong một căn buồng nếu cần giảm bớt độ nóng người ta dùng màu sẫm, muốn giảm bớt độ nóng người ta dùng màu nhạt.

— Màu còn gây cảm giác yên tĩnh hay năng động. Trên thực tế các cơ quan cảm giác có sự vận động tương hỗ. Những thụ cảm do thị giác đem lại sẽ kích thích những âm giác khác. Màu sắc không chỉ thụ cảm bằng mắt mà còn có sự tham gia của cả tinh cảm. Thụ cảm thị giác gắn liền với khái niệm mà khứu giác, xúc giác, thính giác đem lại. Ví dụ màu đỏ, da cam liên hệ với lửa có khái niệm ấm áp, năng động, màu xanh liên hệ với lá cây có khái niệm yên tĩnh.

B. Màu và ánh sáng:

Trong việc sử dụng màu luôn luôn phải quan tâm đến độ sáng. Mức độ biểu hiện và tác động đến tâm sinh lý con người tùy thuộc vào độ bão hòa của màu, tùy thuộc vào mối tương quan của các diện nằm hay đứng, to hay nhỏ, với góc độ chói sáng. Độ sáng và độ thuần chất của màu gắn liền với nguồn sáng. Nguồn sáng càng mạnh thì độ sáng càng cao, độ thuần chất của màu tăng lên. Nguồn sáng yếu thì độ sáng giảm đi, trái lại những màu lúc bình thường độ sáng ít như màu lam thì độ sáng tăng lên khi nguồn sáng mạnh. Cho nên phải căn cứ vào độ sáng mà dùng màu, có như vậy mới bảo đảm một sự hài hòa lý tưởng. Thông thường người ta ứng dụng công thức $R = V(V-1)$ (R: hiệu suất phản quang của màu sắc, V: độ sáng của màu). Ví dụ màu tro có độ sáng $V = 6$ (độ sáng cấp 6) thì độ phản quang $R = 6(6-1) = 30\%$. Tuy vậy khi ứng dụng công thức trên cần phải kết hợp vận dụng những kinh nghiệm đã thu được trong hoạt động thực tế như chú ý đến vấn đề tác dụng đồng thời và tác dụng liên tục của màu. Ví dụ như có một ống khói màu xanh đứng bên cạnh bức tường màu đỏ, khi nhìn màu đỏ trước, nhìn màu xanh sau thì màu xanh sẽ xanh hơn. Trong trường hợp này muốn có màu xanh đúng độ (như công thức chỉ dẫn) thì độ màu trên thực tế phải giảm đi.

Màu có quan hệ với khí hậu và hoàn cảnh xung quanh. Trong thiên nhiên, nguồn ánh

sáng mặt trời có tác động thay đổi rất nhiều đến màu. Cho nên ở những công trình hướng bắc, mặt trời ít chiếu đến, ánh sáng tán xạ trong không gian có màu xanh da trời, làm cho ta nhìn thấy công trình có cảm giác lạnh lẽo. Vì thế không nên dùng các màu xanh nhạt và xám, màu này sẽ làm tăng vẻ lạnh lẽo trong các ngày mùa đông. Trường hợp công trình đó quét một màu thì ở hướng bắc nên tăng độ thuần chất của màu hơn ở phía nam, vì ở phía nam có nhiều ánh sáng mặt trời độ thuần chất của màu cao hơn.

C. Những thụ cảm khác nhau về màu :

Khi nghiên cứu màu, chúng ta đã thấy rõ màu có những đặc tính riêng. Nhưng những đặc tính của màu còn được tái hiện bởi nhận thức và tác động tinh cảm của con người. Ta không thể giản đơn cho màu tươi sáng là đẹp, màu đen là xấu. Màu đẹp còn tùy thuộc vào hòa sắc, tùy thuộc vào địa điểm cụ thể của từng nơi sản xuất. Trong buồng ăn của nhà máy, công nhân không thích sơn những màu tối như nâu, đen hay xám. Trong các nơi sản xuất có nhiều ánh sáng không nên dùng màu vàng, màu vàng trong khung cảnh ấy dễ làm người ta buồn ngủ, nhưng ở các công trình bên dòng nước xanh màu vàng có thể gây ấn tượng đối lập đẹp đẽ. Sống trong khung cảnh có màu sắc khác nhau, tính tình con người cũng có thay đổi. Ở những nơi lao động lặng lẽ, cần kích thích sự nhậy cảm để tạo nên một khung cảnh bớt phần lặng lẽ, người ta hay dùng những màu có sức gợi cảm mạnh (da cam, nâu) những màu này lại ít được sử dụng ở những nơi nhộn nhịp, ồn ào. Ngoài khả năng tạo ra một khung cảnh sống, làm việc hòa hợp, màu còn có khả năng kêu gọi những tình cảm mãnh liệt khác. Sự lặp lại những mảnh màu trong, kiến trúc trên bộ mặt các sản phẩm công nghiệp có tác dụng cảnh báo hay gợi nhớ điều gì, sự lặp lại màu trong tranh cổ động trở thành hình tượng nghệ thuật có tác dụng thôi thúc lòng quyết tâm hay sự ham mê một công việc. Sức mạnh truyền thụ tình cảm của màu rất đa dạng và mãnh liệt.

Do những kết quả cảm thụ được khi tiếp cận với màu, trong công nghiệp đã có những lý thuyết ứng dụng khác nhau về màu.

1. Lý thuyết dùng màu năng động. Theo lý thuyết này người ta có dùng những màu sắc sặc sỡ để luôn luôn tác động đến thị giác, nhằm tạo nên một kích thích giả tạo về tinh thần. Cách dùng màu này thường thường được áp dụng ở các nhà máy thuộc các nước tư bản nhằm mục đích kích thích năng suất của công nhân. Sự kích thích này chỉ chú ý đến tăng cường độ lao động, nhưng có nhiều thiếu

sót trong việc phục hồi sức lực của người lao động bằng các hình thức cảm thụ thẩm mỹ.

2. Cách dùng màu chức năng. Thuyết này có chú ý đến tâm lý lao động, chú ý đến việc dùng màu làm cho người lao động đỡ mỏi mệt. Thông thường theo thuyết này người ta sử dụng một bảng màu quen thuộc gần như quy định như màu vàng, màu lục và độ trung gian của hai độ màu đó. Cách dùng màu hạn chế như vậy rất không thuận lợi cho việc tổ chức nơi lao động thẩm mỹ. Nói về vấn đề này, chúng ta cần thấy là cái đẹp không phải do nhiều màu hay ít màu. Nhiều khi chỉ dùng một màu, hai màu trong một bức tranh hay trong một căn buồng ta thấy vẫn đẹp. Nhưng không thể có cái đẹp theo cách quy định, chỉ được dùng những màu nào đó vào tất cả mọi nơi. Trong công nghiệp cũng nên mở rộng khả năng sử dụng bảng màu như trong mỹ thuật. Chỉ cần khi sử dụng màu trong công nghiệp phải nhắc đến chức năng. Sự cần nhắc này có thể giải quyết bằng nhiều phương pháp dùng màu của hội họa.

3. Cách dùng màu theo thiên nhiên. Cách này dựa vào những nguyên tắc sử dụng màu rộng rãi, kết hợp các màu liên quan đến thụ cảm màu sắc của con người trong thiên nhiên. Ở những nơi lao động khi vận dụng lý thuyết này người ta chú ý đến các mối quan hệ của màu sắc với không gian.

Ba cách sử dụng màu trên đều có những đóng góp vào việc xây dựng lý thuyết sử dụng màu sắc trong công nghiệp. Để có một bộ mặt thẩm mỹ thực sự việc sử dụng màu sắc trong các nơi lao động cần chú ý đến những kinh nghiệm xã hội đến những kinh nghiệm giao tiếp thẩm mỹ của con người với thiên nhiên.

D. Một vài chỉ dẫn và kinh nghiệm dùng màu trong nhà máy, phân xưởng :

Xử lý màu sắc trong nhà máy, phân xưởng cho có thẩm mỹ, ngoài vận dụng các kiến thức nghệ thuật cần phải đặc biệt quan tâm đến những yêu cầu của công nghiệp. Nhu cầu của thẩm mỹ có thể vượt qua những giới hạn quy định cụ thể, nhưng không thể chấp nhận là thẩm mỹ khi không thích nghi với nhu cầu tâm sinh lý của người công nhân ở nơi lao động. Môi trường lao động có thẩm mỹ là môi trường không có gì cản trở năng suất lao động và an toàn lao động. Để phục vụ công việc tổ chức môi trường lao động thẩm mỹ, người ta đã nêu ra những chỉ dẫn về cách dùng màu cho các gian nhà sản xuất. Trong chỉ dẫn yêu cầu phải chú ý đến các yếu tố :

- Tính chất công việc
- Điều kiện làm việc bằng mắt

— Tính chất và cường độ chiếu sáng của các thành phần quang phổ của ánh sáng trong phân xưởng.

— Điều kiện vệ sinh và an toàn lao động.

— Các điều kiện của kết cấu hình khối, không gian.

— Các hoạt động tác động tâm lý.

— Bề mặt gian nhà sản xuất và đặc điểm của các trang thiết bị.

Căn cứ vào các yếu tố trên và đặc tính các gian nhà sản xuất theo tính chất công việc, người ta đã chỉ dẫn ra các gam màu, lượng màu và độ tương phản nên dùng. Cụ thể như bản chỉ dẫn sau đây :

Đặc tính các gian nhà sản xuất theo phạm vi công việc	Gam màu nên dùng	Tính chất của gam màu	Lượng màu cho phép trong số các màu chính	Tương phản số màu cho phép
— Công việc nhẹ	bất kỳ	tương phản	trung bình	bất kỳ
— Công việc nặng trung bình	ấm	tương phản	trung bình	trung bình
— Công việc nặng	bất kỳ	tương đồng	trung bình	nhỏ

Những chỉ dẫn trên đây tuy mới chỉ là đề án và chưa nêu hết vấn đề khoa học của việc tổ chức môi trường lao động thẩm mỹ, nhưng trong thực tế, người ta đã thường rút ra được những kinh nghiệm dùng màu trong gian nhà sản xuất. Những kinh nghiệm này phần lớn rất gần gũi với đề án chỉ dẫn dùng màu và căn cứ vào những yếu tố có liên quan đến điều kiện của lao động.

Ví dụ như ở những nhà máy gang thép hay nhà máy cơ khí người ta thường dùng màu tương nhạt, sáng sủa để công nhân bớt mệt mỏi tinh thần. Công nhân làm việc trong những phân xưởng nhiệt độ cao rất cần không gian mát mẻ của màu tường, của những lùm cây. Những nhân viên chuyên môn giám sát máy móc, đồng hồ trong phòng điều độ rất thích làm việc trong các căn nhà, phân xưởng màu xanh nhạt, vì màu xanh có tác dụng phục hồi thị lực, làm con mắt bớt mệt mỏi sau những giờ làm việc khẩn trương bằng mắt. Để tạo điều kiện làm việc tốt trong các phân xưởng chính xác, cũng nên có những màu sắc đối lập thích đáng với sản phẩm, để có thể phân biệt các cấu kiện nhỏ bé một cách dễ dàng. Sự đối lập về màu ở đây cũng không nên chênh nhau nhiều quá; tốt hơn là chọn tỷ lệ 3/1 hay 5/1 như độ cách giữa màu lam nhạt và vàng nhạt, đỏ nhạt và xanh xám, xanh lục và trắng sữa. Trong các phân xưởng in và gia công chất dẻo, in hoa v.v... do màu của sản phẩm phong phú, thậm chí có những màu kích thích thẩm mỹ mạnh, nên dùng màu nhẹ để giảm bớt sự kích thích căng thẳng và cũng có thể

dùng thêm các màu đậm như màu tro nhạt vào sản phẩm để kéo lại những khoảng khắc yên tĩnh. Ngược lại ở các phân xưởng nguội hay than, màu sắc của sản phẩm thường tối, nên ở những nơi đó cần tránh các màu gây thêm cảm giác tối, nhưng cũng không nên dùng màu đối lập quá mạnh với màu than trên băng chuyền để đỡ hoa mắt, khỏi xảy ra tai nạn lao động. Ở những phân xưởng này, theo kinh nghiệm, người ta lát gạch đỏ thẫm hay đá xanh để tập trung chú ý vào việc làm. Đặc biệt các cánh cửa sổ nên dùng kính mờ hay xanh nhạt để khi mặt trời chiếu vào không gây hiện tượng đối lập với màu đen

của than, làm lóa mắt trong lúc làm việc.

Màu sắc nơi lao động còn bao gồm màu ở các trang thiết bị. Xử lý màu sắc trên bề mặt các trang thiết bị là điều phức tạp hơn vì trang thiết bị có nhiều loại và có một diện tích khá lớn trong tầm nhìn của người lao động. Nếu xử lý không khoa học dễ gây nên những ấn tượng hỗn loạn về tổ chức và thiếu vẻ đẹp hài hòa. Thông thường người ta không dùng nhiều màu trên một chiếc máy. Số lượng màu được dùng không nên quá 3 màu (trừ màu tín hiệu và màu cảnh báo). Khi đang dùng màu này chuyển sang màu khác ngoài yêu cầu thẩm mỹ, cần phải xác định được mục đích rõ ràng. Để xác định được mục đích ranh giới giữa các màu khác nhau nên lấy theo chỗ tách biệt của kết cấu máy. Mục đích của màu được dùng phải toát ra nội dung hoạt động chính của máy. Nên tránh sự lẫn lộn giữa các bộ phận chính, và phụ. Tốt hơn, màu của máy cũng nên chia thành mảng chính, mảng phụ. Sự tương phản về độ màu của các mảng cũng cần thiết nhưng không được vượt quá mức tương phản của gam màu chung trong phân xưởng. Do có vị trí như vậy, nên từ khi nền công nghiệp phát triển người ta đã chú ý đến tính khoa học của các màu sơn trên bề mặt những chiếc máy. Lúc đầu hầu như người ta chỉ sử dụng các dạng màu xanh, vì khi đó đang thịnh hành lý thuyết này dựa trên cơ sở cho rằng: những màu ở phần giữa quang phổ là những màu dễ chịu nhất. Lý thuyết màu cũng nhanh chóng được thay đổi vì không đáp ứng được nhu cầu thẩm mỹ và

tính khoa học. Vào khoảng giữa thế kỷ này đã xuất hiện lý thuyết dung hòa màu sắc. Lý thuyết dung hòa màu sắc cho phép dùng các mẫu quang phổ, với tỷ lệ thường gặp trong tự nhiên, nhưng có sự khống chế về độ sáng, độ chói ở các bề mặt nằm trong tầm mắt của người công nhân. Nhất là ở các bộ phận điều khiển mẫu sắc phải đem lại một sắc thái bổ sung. Trong những trường hợp có nhiều nút điều khiển, chức năng điều khiển khác nhau như tắt hãm hay khởi động cần sơn các mẫu tách biệt. Nghiên cứu tâm lý của người sản xuất, người ta còn thấy có trường hợp sau giờ làm việc công nhân vẫn nhìn thấy hình ảnh của sản phẩm vừa làm ra. Để tránh những ảo giác đó, ở một số nơi người ta đặt lên chỗ làm việc một vật giống như sản phẩm vừa làm ra và sơn một lớp màu phụ, nhìn vào vật đó ảo ảnh sẽ mất đi trong giây lát.

Bên cạnh các phương án xử lý màu của kiến trúc trang thiết bị nơi sản xuất, ngày nay người ta còn vận dụng những thành quả của mỹ thuật vào nhiều mục đích. Ví dụ như đã sử dụng các màu cảnh báo (đen đỏ vàng) để ngăn ngừa những sơ ý có thể gây ra tai nạn lao động. Những màu này, còn được sử dụng với mục đích trang trí, trên bề mặt máy trong khung cảnh của một độ màu thống nhất, hài hòa. Đồng thời để tạo những điều kiện nghỉ ngơi hợp lý trong giờ nghỉ giữa ca, bên trong các phân xưởng người ta bố trí những khe hở trồng đặt các cây xanh trang trí. Sự trang trí này đôi khi rất cần thiết để tạo nên sự nghỉ ngơi mà trong lao động người công nhân cần phải có. Đưa thiên nhiên vào trong kiến trúc là phương pháp đang thịnh hành ở vùng mùa đông kéo dài, để làm sống lại những ngày mùa xuân là mong ước của người lao động. Nước ta được thiên nhiên ưu đãi, quanh năm màu xanh không bao giờ thiếu, nhưng việc tạo nên những khoảng thiên nhiên nhỏ có màu xanh trong các nhà máy có độ nóng độ ồn cao cũng là điều hữu ích.

IV - NHỮNG XỬ LÝ HÌNH KHỐI VÀ TỔ CHỨC HÌNH KHỐI TRONG KHÔNG GIAN:

Các trang thiết bị, sản phẩm là những vật thể có hình khối và phân xưởng là không gian chứa đựng những hình khối đó.

Hình khối của trang thiết bị thường được lựa chọn trước khi đưa vào sản xuất và mang ra sử dụng. Nhưng khi đưa vào nơi sản xuất đòi hỏi phải sắp đặt ra sao cho hợp lý, bảo đảm yêu cầu của sản xuất, bảo đảm tính đồng bộ, vẻ đẹp hài hòa của một hệ thống máy trong dây truyền sản xuất. Việc làm này đòi hỏi một thước đo mẫn nại của con mắt và được thẩm xét qua kinh nghiệm, không giản

đơn như là việc sắp đặt các vật thể tự nhiên từ thể không trật tự sang trật tự. Đối với nghệ thuật, khi xây dựng bố cục cho một pho tượng không phải là sự sắp đặt các hình thức thể khối, mà là việc tìm một bố cục có những khối hình ăn hợp chứa đựng một nội dung. Trong công nghiệp, việc tổ chức các trang thiết bị máy móc vào một môi trường thẩm mỹ cũng đòi hỏi những suy nghĩ như bố cục một pho tượng, nhưng có thêm những đòi hỏi của khoa học chính xác. Khi bắt tay vào công việc tổ chức môi trường lao động thẩm mỹ, đòi hỏi người được giao nhiệm vụ này phải tìm hiểu các công việc lao động tại nơi đó, phân chia các công việc ấy ra từng nhóm việc, rồi dựa trên cơ sở của nhóm tổ chức thành từng khu vực sản xuất. Ở mỗi khu vực sản xuất cấu tạo một không gian có tổ chức, có khối hình thẩm mỹ và biểu đạt tính năng riêng của nó. Tính thẩm mỹ ở nơi lao động thể hiện ở tính trật tự và khoa học. Cho nên, khuynh hướng quy tụ hình thức các vật vào một thể khối đơn giản và đăng đối được thịnh hành. Chẳng hạn như đối với những chiếc máy có nhiều bộ phận linh kính, người ta đã tạo ra những hộp che máy. Đối với những chiếc máy có hình thể khác nhau người ta quy chúng vào một thể khối hay một hệ hình khối đồng nhất, thuận một chiều một hướng với điểm nhìn. Trong sự liên kết các hình khối này người ta cũng có thể dùng các khối mỹ thuật, bên trong làm tủ chứa đựng đồ dùng, bên ngoài là vách che các bộ phận dư thừa. Trong quá trình suy tính lựa chọn các hình khối thẩm mỹ người ta có thể phát huy hết khả năng vốn có của ngôn ngữ hình khối, tạo nên những vẻ êm dịu, cứng, mềm, chuyển động, yên tĩnh, rộng hay hẹp. Sự vận dụng này cũng như xử lý màu sắc tùy thuộc vào nơi lao động cụ thể, vào chức năng, công việc của nơi lao động. Nếu công việc ở nơi đó trầm lặng thì có thể thay đổi các đường chạy ngang, chạy dọc, các khối đứng, khối nằm để tạo ra một nhịp điệu vui mắt. Nếu nơi làm việc ồn ào, nhộn nhịp cần xây dựng các khối vững chắc và nhịp điệu chuyển tiếp hình khối đều đều có vẻ yên tĩnh. Hoặc giả có thể dùng các hình khối kết hợp với màu tạo ra một ảo giác rộng cho các phân xưởng có độ đông đặc của máy. Ở những gian nhà sản xuất chạy dài cần tổ chức những mảng khối để phân cắt độ sâu thẳm, tạo ra từng vùng không gian riêng cho từng nơi làm việc có tính chất khác nhau để lao động được tập trung hơn. Hoặc cũng những hình khối như vậy nhưng dựng tạo thành những vật trung gian, chuyển tiếp, độ nhìn này nhiều khi sẽ làm con mắt dễ chịu như nghe một giai điệu trầm bổng, tiết tấu thích hợp.

Trong việc tổ chức các trang thiết bị, máy móc có tầm mỹ cần tránh những trường hợp làm ảnh hưởng đến trạng thái lao động của công nhân, ví dụ một số nhà máy đã để hai hàng máy song song, làm người công nhân khi làm việc không thoải mái, phải luôn luôn chú ý đến sự vận hành của máy đằng trước và đằng sau. Khi lao động thường phải làm việc bằng mắt, nhất là đối với các nhà máy cơ khí chính xác cần tránh các khối chắn ngử trước mắt, cần tạo nên những độ thoáng trong không gian, tốt hơn cả là ở phía trước tầm mắt người công nhân nên tạo ra những khối mềm, dịu hoặc tạo ra những điểm nghỉ ngơi hợp lý. Nếu nhìn về phía tường, thì tường có thể dùng gạch trổ thủng, để lọt vào trong gian nhà sản xuất một không gian màu xanh, không gian này sẽ làm dịu độ căng thẳng của thị lực. Hoặc có thể bằng cách quy các đường chạy cao, thấp, ngang, dọc của các vật thể sao cho có những thay đổi để chịu tránh đều đều buồn bã, tránh lũng củng như nhồi đầu óc. Ở nước ta, vào mùa hè ánh nắng gay gắt, khoảng không gian trong phân xưởng và ngoài phân xưởng cần được phân cách rõ ràng. Hình khối có tác dụng tạo ra sự phân cách đó bằng nhiều cách, một là giảm dần độ lớn

từ ngoài vào trong để tạo độ sâu cần thiết của không gian trong nhà, hai là kết hợp với màu để tạo nên sự ước lệ ngăn cách trong với ngoài v.v...

V - KẾT LUẬN

Tổ chức môi trường lao động tầm mỹ là một việc làm có ý nghĩa nhân văn và khoa học. Hai ý nghĩa này không tách rời nhau.

Chúng ta hãy nêu lên một giả thuyết: xây dựng nơi lao động đầy tầm mỹ có phải là điều thiết thực nâng cao đời sống của người lao động không?

Theo tôi nghĩ, hàng ngày người công nhân phải làm việc trong nhà máy 8 giờ, số giờ còn lại (phải đi lại, nghỉ ngơi, sinh hoạt ăn uống, vệ sinh) để đi công viên, đi nhà hát rất ít, cho nên rất hạn hữu người công nhân mới đi đến các khu trung tâm văn hóa. Do đó cần tổ chức những công viên nhỏ tại nơi lao động để hàng ngày từ nhà ở, đến nhà máy, người công nhân có được nhiều điều kiện nghỉ ngơi và thưởng ngoạn cái đẹp.

Thực vậy, nếu phân xưởng là nơi lao động đầy vẻ đẹp, thêm vào đó ở ngoài phân xưởng, ở trong nhà máy có những vườn cây, ở cạnh

(Xem tiếp trang 33)

*Xi nghiệp gạch
ngói Cầu Đường
Hà Nội nghiên
cứu và đưa vào
sản xuất nhiều loại
gạch trang trí với
các hình hoa khác
nhau.*

Ảnh: TRẦN SƠN
(TTXVN)



công nghiệp ở địa bàn huyện, đặc biệt đối với các cụm cơ khí huyện, xây dựng cho nó đủ khả năng giải quyết những công cụ sản xuất cầm tay và công cụ cải tiến, sửa chữa những thiết bị máy móc thông dụng ở địa bàn huyện và hợp tác xã nông nghiệp.

3) Đối với ngành xây dựng cơ bản :

Tiến hành công tác quy hoạch xây dựng đô thị, nông thôn, kết hợp chặt chẽ với phương án phân vùng nông lâm nghiệp và quy hoạch phát triển kinh tế.

Xây dựng các thiết kế mẫu chuồng trại chăn nuôi, sân phơi, nhà kho, trường học, bệnh xá, nhà trẻ, nhà mẫu giáo, nhà ở thành thị và nông thôn để cung cấp kịp thời cho nhu cầu xây dựng đến năm 1980 : 40% nhà ngói ở nông thôn. Nghiên cứu và ứng dụng các loại cấu kiện đúc sẵn trong ngành xây dựng, giao thông thủy lợi để rút ngắn thời gian xây dựng, tăng cường lực lượng cán bộ, công nhân kỹ thuật ngành xây dựng cơ bản để chuẩn bị điều kiện phát triển nhanh chóng ngành này trong những năm tới. Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất các vật liệu xây dựng và chất kết dính từ những nguyên liệu sẵn có trong tỉnh như cát, vôi, san hô v.v...

4) Đối với ngành giao thông vận tải :

Dựa vào quy hoạch, phân vùng kinh tế từng nơi, kết hợp ngay từ đầu việc phát triển giao thông vận tải với yêu cầu phát triển nông lâm nghiệp, công nghiệp, thủy lợi. Đặc biệt chú trọng công tác giao thông vận tải miền núi và các vùng kinh tế mới.

Ứng dụng vận trù học trong vận tải hai chiều, kết hợp tăng thêm sức kéo rơmoóc, sức kéo thô sơ, đảm bảo kế hoạch vận tải cung cấp kịp thời nguyên nhiên vật liệu cho sản xuất. Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật nhằm phát triển giao thông vận tải đường thủy, kết hợp chặt chẽ vận tải giữa đường thủy và đường bộ, mở rộng mạng lưới giao thông trong tỉnh, tăng cường khối lượng vận chuyển và phục vụ đi lại.

Nghiên cứu, thí nghiệm các biện pháp phục hồi hàn đắp cáo phụ tùng đảm bảo cho các phương tiện giao thông hoạt động đều. Nghiên cứu sử dụng các dạng năng lượng khác như khí than, khí sinh vật, điện áp quy, nhằm khắc phục tình trạng thiếu xăng dầu. ổn định giao thông vận tải. Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật để tổ chức đóng mới các phương tiện giao thông vận tải và xây dựng các cảng, sông.

5) Đối với ngành bưu điện, thông tin liên lạc :

Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mạng lưới điện thoại từ tỉnh đến huyện và đến các xí nghiệp, từ huyện đến xã và các hợp tác xã.

Phát triển hệ thống tin riêng trong các hợp tác xã nông nghiệp đến các đội sản xuất, kết hợp giữa mạng lưới phát thanh và thông tin bưu điện.

Nghiên cứu và xây dựng tốt hệ thống thông tin kinh tế từ cơ sở sản xuất tới các cơ quan quản lý, cơ quan tổng hợp góp phần tăng cường công tác quản lý để các cơ quan quản lý tổng hợp chỉ đạo kịp thời thực hiện kế hoạch sản xuất ở các cơ sở.

Tổ chức môi trường lao động...

(Tiếp theo trang 43)

nhà máy có công viên, phòng triển lãm, nhà hát thì giá trị của lao động sẽ tăng lên biết chừng nào? Điều đó cũng không thể tính bằng con số, nhưng có thể dự đoán được lợi ích của nó. Nó sẽ tạo cho người công nhân sự thoải mái, tư thế bình tĩnh chuẩn bị chu đáo hàng ngày trước khi bắt tay vào làm việc và đứng bên chiếc máy 8 giờ liền. Trước khi làm việc được chuẩn bị như vậy tất nhiên năng suất lao động sẽ cao hơn và lúc nghỉ

ngồi giữa buổi có vườn cây xanh, có một công viên nhỏ trước nhà máy sẽ là nơi nghỉ ngơi để kịp thời phục hồi sức lực. Nhờ đó sau giờ nghỉ người lao động vẫn bảo đảm năng suất bình thường không có tình trạng giảm dần năng suất vào giờ cuối.

Chúng ta mong sao những người lãnh đạo sản xuất sẽ quan tâm đến việc tổ chức môi trường lao động thâm mý và giải quyết vấn đề này như một nhiệm vụ chính trị của nhà máy.